TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Tài chính - Ngân hàng**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 22 (2026 - 2030)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **122**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 12, tự chọn: 06)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**12**			
TH70001	Tin học 1*	2	45	15	30
CB70411	Bơi lội (*)	1	30	0	30
TC70101	Tiền tệ và Thị trường tài chính	3	45	45	0
TC70211	Toán tài chính	3	45	45	0
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
TC70218	Kinh tế lượng	3	45	45	0
Học phần tự chọn		**6**			
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71331	Tiếng Anh 1	3	45	45	0
TQ71321	Tiếng Trung 1	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TC71210	Thị trường chứng khoán	3	60	30	30
TC71211	Tài chính công	3	60	30	30
HỌC KỲ 2: 14 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 9, tự chọn: 05)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**9**			
TH70002	Tin học 2*	2	60	0	60
CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0

CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
QT70002	Kinh tế học	3	45	45	0
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1*	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2*	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3*	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4*	2	60	0	60
Học phần tự chọn		**5**			
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71332	Tiếng Anh 2	3	45	45	0
TQ71322	Tiếng Trung 2	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng Đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**1**			
CB71412	Bóng đá*	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền*	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông*	1	30	0	30
CB71410	Pickleball*	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 05)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
TC70212	Thanh toán quốc tế	3	45	45	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
TC70214	Tài chính doanh nghiệp	4	75	45	30
Học phần tự chọn		**5**			
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71333	Tiếng Anh 3	3	45	45	0
TQ71323	Tiếng Trung 3	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**1**			
CB71413	Fitness*	1	30	0	30

CB71407	Bóng rổ*	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật*	1	30	0	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 13, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**13**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
KT70103	Luật Kinh tế	2	30	30	0
TC71108	Tài chính quốc tế	2	30	30	0
KT70111	Kế toán tài chính 1	4	60	60	0
KT70215	Thuế ứng dụng	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)					
TA71334	Tiếng Anh định hướng chứng chỉ quốc tế*	9	135	135	0
TQ71324	Tiếng Trung định hướng chứng chỉ quốc tế*	9	135	135	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
QT71017	Hành vi tổ chức	2	30	30	0
QT71018	Nguyên lý quản trị	2	30	30	0
HỌC KỲ 5: 24 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 10)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**14**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
TC70216	Tài chính cá nhân	3	45	45	0
TC70215	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	4	75	45	30
TC70217	Phân tích đầu tư chứng khoán	3	45	45	0
TC70104	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	2	45	15	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 chuyên ngành)		**10**			
Học phần tự chọn: Chuyên ngành Tài chính – ngân		**10**			
TC71212	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	45	45	0
TC71202	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	2	30	30	0

TC71209	Marketing ngân hàng	2	30	30	0
KT71101	Kế toán ngân hàng	3	45	45	0
Học phần tự chọn: Chuyên ngành Tài chính số		**10**			
TC70219	Công cụ phái sinh	3	60	30	30
TC70203	Nguyên lý bảo hiểm	2	30	30	0
TC71207	Tài chính xanh và công nghệ số	3	60	30	30
TC71208	Trí tuệ nhân tạo trong tài chính	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 10, tự chọn: 10)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**10**			
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TC70107	Công nghệ tài chính	2	45	15	30
TC70213	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	45	0
TC70110	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	60	30	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 chuyên ngành)		**10**			
Học phần tự chọn: Chuyên ngành Tài chính – ngân		**10**			
TC70108	Quản trị rủi ro Tài chính – Ngân hàng	3	60	30	30
TC70202	Mô phỏng Nghiệp Vụ Tài chính – Ngân hàng	3	90	0	90
TC71204	Thẩm định tín dụng	2	30	30	0
TC71213	Quản trị ngân hàng	2	30	30	0
Học phần tự chọn: Chuyên ngành Tài chính số		**10**			
TC71112	Định giá	2	30	30	0
TC71214	Mô hình tài chính	3	60	30	30
TC71104	Đầu tư tài chính	3	60	30	30
TC71215	Tài chính hành vi	2	30	30	0
HỌC KỲ 7: 04 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 04, tự chọn: 00)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		**4**			
TC70206	Thực tập tốt nghiệp	4	120	0	120
HỌC KỲ 8: 06 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 00, tự chọn: 06)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần tốt nghiệp 1		***6***			

TC70207	Khóa luận tốt nghiệp	6	180	0	180
Học phần tốt nghiệp 2		***6***			
TC70111	Chuyên đề tốt nghiệp	3	90	0	90
TC70210	Các vấn đề hiện đại trong ngành tài chính ngân hàng	3	90	0	90